



Ảnh hưởng Phật giáo trong không gian thờ Mẫu ở Huế

ISSN: 2734-9195

11:55 19/03/2026

Chính điều này đã làm giàu thêm những giá trị văn hóa Huế, tạo diện mạo mới, sắc thái mới cho tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng đất Cố đô đậm căn tính “từ, bi, hỷ, xả”, tình thần thương người, yêu chuộng hòa bình của Phật giáo.

Dẫn nhập

Tại Việt Nam nói chung và ở thành phố Huế nói riêng, Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu luôn có sự dung hợp, tiếp thu những giá trị nhân văn của nhau để từ đó hướng đến một điểm chung đó là làm chỗ dựa tinh thần cho con người. Với tư tưởng “Phật Thánh nhất môn chung ánh đạo vàng”, Phật giáo có sự ảnh hưởng mạnh mẽ đến tín ngưỡng thờ Mẫu từ nghệ thuật trang trí trong không gian điện thờ cho đến phương thức thực hành nghi lễ thờ cúng.

Vì lẽ đó mà trong nhiều ngôi chùa ở miền Bắc cũng như ở Huế, ngoài không gian thờ Phật, chùa còn điện thờ Mẫu và trong các điện thờ Mẫu có xuất hiện ban thờ Phật. Để làm rõ ảnh hưởng Phật giáo trong kiến trúc và nghệ thuật trang trí trong không gian thờ Mẫu ở vùng Huế, bài viết dẫn liệu từ một số không gian và điện thờ Mẫu trên địa bàn thành phố Huế như: chùa Quy Thiện, chùa Đông Thuyền, chùa Thiền Lâm, Điện Huệ Nam, Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo, Cung Vân Phụng, Lá Chúa Ngọc Sơn,...

Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Huế

Phật giáo truyền vào Việt Nam từ những năm đầu công nguyên với phương châm “khế cơ” và “khế lý”, cùng “những tư tưởng từ, bi, hỷ, xả, công bằng, bình đẳng, hướng thiện,... trong giáo lý của Phật giáo rất gần gũi với tinh thần vị tha, bao dung, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau của đạo lý truyền thống của người Việt, nền tảng của những nguyên tắc ứng xử xã hội cổ truyền, nên Phật giáo đã nhanh chóng hòa nhập với các tôn giáo bản địa, làm nên nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam”[1]. Những vị Thiền sư người Việt đã có vai trò rất lớn trong việc

đưa Phật giáo hòa quyện vào tín ngưỡng, truyền thống, văn hóa của người Việt, tạo nên những sắc thái riêng biệt. Cũng nhờ sự thích ứng một cách nhuần nhuyễn này mà những tinh hoa của Phật pháp tìm được môi trường thích hợp để đơm hoa kết trái, bén rễ sâu rộng trong tâm thức của người Việt. Đó cũng chính là sức mạnh của Phật giáo thể hiện ở khả năng hòa đồng, tính khoan dung và tinh thần dân chủ, bình đẳng[2].

Trong quan niệm của người Việt về con người và cuộc đời con người cũng chứa đựng sự dung hợp, đan xen giữa Phật giáo và các tín ngưỡng dân gian[3], trong đó có tín ngưỡng thờ Mẫu.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Cũng cần nói thêm rằng, trước khi **Phật giáo** truyền đến vùng đất Huế, người dân nơi đây đã có niềm tin vào tín ngưỡng dân gian, đặc biệt là tín ngưỡng thờ Mẫu. Bởi lẽ, người Việt khi đến vùng đất Huế đều có sự gắn bó với nền kinh tế nông nghiệp, do đó cuộc sống họ không thể tách rời với yếu tố tự nhiên. Chính vì mọi sinh hoạt và lao động hàng ngày cơ sự gắn bó mật thiết với tự nhiên và với tâm lý e sợ, ngưỡng mộ và sùng bái mà từ đó con người nhìn nhận tự nhiên như những đấng thiêng liêng, thần thánh. Với đặc thù của nền văn minh lúa nước, nhu cầu thiết yếu nhất mà người dân hướng đến là mùa màng tươi tốt để duy trì sự sống, là sự sinh sôi nảy nở để con người phát triển[4]. Đối với văn hóa Việt Nam, một dân tộc làm ruộng nước, người phụ nữ trong đời sống làng xã luôn là kẻ nắm “rương hòm - chìa khóa” gia đình, hay nói một cách khác, họ chính là nguồn sống của từng đơn vị tế bào xã hội. Ăn no mặc ấm đối với người dân là mục tiêu, tiền đề cho cuộc sống hạnh phúc và mặc nhiên thừa nhận, tôn vinh người phụ nữ trong đời sống đã được biểu hiện không chỉ trong ý thức mà

cả trong tình cảm lẫn cuộc sống tâm linh[5]. Để ước vọng hóa mục đích của mình, người Việt đã gửi gắm niềm tin đó thông qua việc thần thoại hóa người phụ nữ và họ trở thành các vị nữ thần, mẫu thần mang nhiều quyền năng to lớn. Từ đây, khắp nơi đều tôn thờ các vị nữ thần và không chỉ là những hình tượng trong huyền thoại như nữ thần Mặt Trời, Mặt Trăng, nữ thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện) mà có khi ở dạng truyền thuyết, anh hùng văn hóa - lịch sử với những kỳ tích lớn lao trong công cuộc dựng nước và giữ nước như Bà Trưng, Bà Triệu, Dương Văn Nga, Ý Lan,.. hay là những vị thần có công dạy cho dân nghề nghiệp như Mẹ Lúa, Mẹ Mía, Chúa Bông, Chúa Tằm,... [6].

Trên nền tảng của tục thờ nữ thần, người Việt khi đến vùng đất Huế - nơi đây vốn là vùng đất của người Chăm nên họ đã tiếp nhận việc thờ phụng Bà Mẹ Xứ sở Poh Inur Nagar. Với *“những kỳ tích được truyền tụng từ người Chăm láng giềng, là vì nữ thần dạy dân trồng lúa, dệt vải, cứu giúp mọi người khi gặp điều khốn khó, điều hòa mưa nắng, hộ quốc - an dân; ý nghĩa cũng như thiên chức ấy, sớm gây ấn tượng và dễ đi vào lòng người của những lớp người cùng tồn tại trên loại hình nông nghiệp trồng lúa, từ lâu đã có cuộc sống định cư nhưng cũng thường gặp bất trắc, đe dọa từ phía thiên nhiên. Gặp nhau trên nền ước vọng chung và người nông dân Việt Nam, kể sinh tồn bằng nghề trồng trọt đã nhanh chóng cộng hưởng, kế thừa và tiếp tục thờ phụng bà theo cách riêng của mình”*[7], bằng danh xưng là Thiên Y A Na. Trải qua các triều đại phong kiến, vị trí của nữ thần Thiên Y A Na lại càng được củng cố theo dòng Nam tiến và cho đến thời Nguyễn, Thiên Y A Na đã nhận được sự tín mộ không chỉ trong lòng dân chúng mà còn cả giới quý tộc, vua, quan, mà vua Đồng Khánh là người có đức tin lớn với Bà.

Với tâm thức **đa thần** và tâm lý cởi mở, người Việt cho dù sống dưới các triều đại phong kiến luôn đề cao hệ tư tưởng Nho giáo, nhưng họ vẫn luôn có đức tin vào Phật và tín ngưỡng thờ Mẫu. Bên cạnh đó, chúng ta thấy được là nhu cầu của người dân, nhu cầu của những người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu và của những nhà sư Phật giáo đều mong muốn có sự gắn bó giữa tín ngưỡng này với Phật giáo. Đây không chỉ là nhu cầu thỏa mãn niềm tin tôn giáo khi họ cảm thấy khi mình có thêm nhiều đối tượng thờ phụng để gia tăng cảm giác an toàn hiện sinh, được che chở phù hộ. Đối với Phật giáo, muốn đưa tôn giáo phát triển sâu rộng trong quần chúng nhân dân, trở thành căn tính văn hóa thì không thể không dung hòa với tín ngưỡng thờ Mẫu. Để tồn tại trong văn hóa Việt, Phật giáo không thể không nương tựa vào tín ngưỡng thờ Mẫu, cũng từ đây trong điện thờ Phật thì có thêm không gian thờ của các vị Thánh Mẫu, chính điều này tạo nên lối kiến trúc thờ tự “tiền Phật hậu Mẫu” hay “tiền Phật hậu Thánh”.

Để đáp ứng được nhu cầu của người dân, Phật giáo đã phải thích nghi, biến đổi, phải bản địa hóa và những bản kinh, chú trong Phật giáo đã xuất hiện trong khóa lễ, nghi lễ hầu đồng[8] của những người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Huế còn xuất hiện rất nhiều ngôi chùa vẫn còn thờ Mẫu như chùa Kim Quang (Tiên Nữ Cung), chùa Thuyền Lâm (Diệu Nam Điện), chùa Đông Thuyền, chùa Quy Thiện, chùa Viên Thông (Linh Tiêu Điện), chùa Phổ Tế, chùa Vạn Phước (Nghĩa Đạo Môn),... Những pho tượng Thánh Mẫu được thờ tự tại những ngôi chùa này đều mang tính nghệ thuật cao, phong cách trang trí trên tượng mang dấu ấn cung đình triều Nguyễn gắn liền với motif, họa tiết phượng, mây, tam sơn thủy ba,....

Trong **tín ngưỡng** thờ Mẫu ở Huế, sự dung hợp, tiếp nhận Phật giáo không chỉ xuất hiện ở các ngôi cổ tự mà còn trong Kinh điển mà bản kinh *Thiên Y Thánh Mẫu* và một số bản văn cúng. Tập kinh *Thiên Y Thánh Mẫu*, bao gồm Khuyến thiện kinh và kinh Nhật tụng do Hội Thiên Tiên Thánh giáo[9] soạn thảo và ấn hành năm 1956 và 1970 để cộng đồng theo Mẫu trì tụng trong các buổi lễ có dẫn các bài tán, chú trong kinh Phật rất nhiều. Mở đầu tập kinh Thiên Y Thánh Mẫu là Cúng hương tán Phật, nhưng có thay đổi cho phù hợp với nội dung về Mẫu.

Cúng hương theo nghi thức tụng niệm Phật giáo	Cúng hương theo nghi thức tụng niệm theo tín ngưỡng thờ Mẫu
Nguyên đem lòng thành kính Gửi theo đám mây hương Phương phát khắp mười phương Cúng dường ngôi Tam Bảo Thề trọn đời giữ đạo Theo Phật pháp làm lành Cùng pháp giới chúng sanh Cầu Phật từ gia hộ Tâm Bồ đề kiên cố Chí tu học vững bền Xa bề khổ nguồn mê Chóng quay về bờ Giác	Nguyên đem lòng thành kính Gửi theo đám mây hương Phương phát khắp mười phương Cúng dường ngôi Cao cả Thề trọn đời sống đạo Học đạo Mẫu làm lành Cùng pháp giới chúng sanh Cầu Mẫu từ gia hộ Tâm Bồ đề kiên cố Chí tu học vững bền Xa bề khổ nguồn mê Chóng quay về bờ Giác

Trong hệ thống các bài tán và chú của Phật giáo, kinh Thiên Y sử dụng hai bài tán đó là tán **Chiên đàn hải ngoại** và **Hải trấn triều âm**. Đây là hai bài tán thường được các nhà sư của Phật giáo sử dụng trong các buổi tụng kinh và thực hiện các nghi thức cúng tế ở nhà chùa, giới đàn. Bên cạnh đó, chú Đại Bi, Ma ha Bát nhã Ba la mật đa tâm kinh cũng xuất hiện trong bản kinh này. Về chữ “Nam mô” chúng tôi đếm được có đến 116 lần niệm, chiếm số lượng nhiều nhất là là Nam mô Thiên Y Thánh Mẫu đại từ tôn (42 lần) và Nam mô Vân Hương Tam vị Thánh Mẫu đại từ tôn (31 lần). Trong mười điều răn dạy của Thánh Mẫu thì điều đầu tiên là phải quy y Phật rồi mới quy y Thánh. Trong tập kinh Thiên Y Thánh

Mẫu ghi chép rất rõ về vấn đề này:

“Mười điều răn dạy sắt son,

Làm tôi của Thánh vương tròn phải ghi.

Trước tiên Phật Thánh quy y”[10].

Trong mối tương quan giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu, các Thánh môn đệ tử của Mẫu vốn xuất thân là những môn đồ của nhà Phật nhưng họ cũng có đức tin theo các vị Thánh Mẫu. Có những người trước khi đến cửa Thánh thì họ đã có một thời gian dài đến tu tập và sinh hoạt ở chốn thiền môn, thậm chí khi mất họ vẫn phải mời các nhà sư đến làm lễ tang theo đúng nghi thức của Phật giáo. Mặt khác, Phật là cao hơn cả Mẫu thì hẳn nhiên, muốn theo Mẫu thì điều đầu tiên phải là quy y của Phật[11].

Dấu ấn Phật giáo trong kiến trúc và nghệ thuật trang trí tại không gian thờ Mẫu ở vùng Huế

Trong mối tương quan văn hóa tâm linh giữa Phật giáo với các hình thức tín ngưỡng dân gian trên đất Huế, những dấu ấn của nhà Phật dường như có sự ảnh hưởng một cách sâu rộng đối với đời sống tinh thần ở vùng đất Cố đô. Từ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ bốn mạng, thờ âm hồn và rõ nét nhất là tín ngưỡng thờ Mẫu đều phản ánh màu sắc Phật giáo, thậm chí có sự chi phối nhất định. Sự ảnh hưởng của Phật giáo trong tín ngưỡng thờ Mẫu không chỉ thể hiện trên phương diện giáo lý, tư tưởng, kinh điển, nghi lễ, nhạc lễ,... mà còn trên phương diện kiến trúc và nghệ thuật trang trí trong không gian thờ cúng.

Trong thần điện thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế, ngoài việc thờ cúng các vị Thánh Mẫu và chư vị thần linh thì còn xuất hiện ban thờ Phật. Sự bài trí ban thờ Phật xuất hiện theo hai dạng: dạng thứ nhất được thờ cùng ban thờ Mẫu với hai vị trí: Ở sau và xếp trên cùng (Phước Tâm Cảnh Điện, Thiên Tam Sơn Điện) hoặc xếp ở trước hết (Minh An Cảnh, Phước Linh Điện, Cung Vân Phụng); còn dạng thứ hai ở phía ngoài đền hoặc ở trước ban thờ Trung Thiên (Thánh đường 352 Chi Lăng). Qua khảo sát các điện thờ ở Huế, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là xuất hiện nhiều nhất, ngoài ra một số đền còn thờ cả Tam Thế Phật (Điện Huệ Nam, Lá Chúa Ngọc Sơn).



Ban thờ Phật tại đền Lá Chúa Ngọc Sơn (bên trái) và Cung Vân Phụng (bên phải). Ảnh: Hữu Phúc

Trong **văn hóa** Phật giáo, hoa sen được coi là biểu tượng của sự nảy nở tinh thần, của linh thiêng, thuần khiết và mang tính chất “vô nhiễm” - gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.. Hoa sen là một trong tám biểu tượng cát tường, là dấu huyền nhiệm của bước chân Phật. Hoa sen cũng là vật cầm trong tay của Đức Phật và các vị Bồ Tát, tượng trưng cho thanh tịnh, vô nhiễm, từ bi. Sen đỏ biểu thị bản tính gốc của từ tâm và tượng trưng tình yêu là đóa sen của Quán Thế Âm Bồ Tát. Sen xanh nở nửa chừng tượng trưng cho trí huệ, tri thức và chiến thắng của tinh thần đối với cảm quan là đóa sen của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Hoa sen tại các ngôi chùa ở Huế cũng mang những ý nghĩa trên, là biểu tượng của sự thanh cao và thuần khiết[12].

Với ý nghĩa đó, hoa sen cũng là biểu tượng xuất hiện khá nhiều trong nghệ thuật trang trí trong kiến trúc của điện thờ Mẫu. Trên các cột tại điện thờ cũng như am thờ, hay trong các ô hộc trang trí, cửa võng, trụ biểu, tủ án thờ cũng đã có các hoa sen hay cánh sen cách điệu. Biểu tượng hoa sen lúc này không chỉ là sự điểm tô cho công trình kiến trúc mà còn biểu hiện của sự thanh cao, thuần khiết của các vị Thánh Mẫu. Tại Thánh đường 352 Chi Lăng - vốn là Tổng hội của Hội Thiên Tiên Thánh giáo Việt Nam có hình tượng hoa sen rất độc đáo gắn liền với Trung Thiên Đài. Trung Thiên Đài gồm hai phần là thân và đài thờ, nhìn từ xa nó giống như một bông sen nở rộ vì dưới chân có nước. Đài Trung Thiên như một ngôi miếu nhỏ, có hai tầng nóc và có 9 con phụng xuất hiện trong tư thế tung cánh bay lên, với nhiều màu sắc rất hài hòa và đẹp. Với thân và đài thờ như vậy thì nó cũng chính là biểu hiện ước vọng, phồn thực, phát triển, sự no đủ và đông đúc. Trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế, có bốn cõi là Thượng Thiên - Thượng Ngàn - Trung Thiên - Thủy Phủ, trong đó Trung Thiên gắn liền với con người. Việc hình tượng hóa Trung Thiên Đài như một cây sen nở rộ thì nó không nằm ngoài ý nghĩa là thể hiện con người khi đến với Mẫu luôn có một tấm lòng, một cái tâm thuần khiết, trong sạch, thanh cao.

Tại Thánh đường 352 Chi Lăng, hoa sen còn được cách điệu hóa với bốn cánh tượng trưng cho bốn cõi, ở giữa hình tròn như nhụy hoa và phần dưới cũng có những cánh sen, đây được xem là biểu tượng của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế.

Biểu tượng này được đắp nổi ở tường thành vừa được dùng để trang trí nhưng đồng thời cũng mang một ý nghĩa sâu sắc, thể hiện những tư tưởng của Phật giáo đã thấm nhuần trong đức tin của những con người theo Mẫu.



Hình tượng hoa sen được trang trí tại Thánh đường 352 Chi Lăng. Ảnh: Hữu Phúc

Ngoài biểu tượng **hoa sen**, chữ Vạn cũng là hình ảnh xuất hiện khá nhiều trên các công trình kiến trúc, đồ tự khí tại không gian thờ Mẫu. Theo quan niệm nhà Phật, chữ Vạn biểu thị cho trường thọ, hạnh phúc, an lành. Trong hệ thống ngôn ngữ biểu tượng Phật giáo tại các ngôi chùa ở Huế, ngoài những vị trí truyền thống như trước ngực của Đức Phật như là một hảo tướng, chữ Vạn còn được dùng dạng hồi văn trang trí trên cửa, ô hộc, xuất hiện trong đề tài lưỡng long châu chữ Vạn ở tam quan hay đường nóc Đại Hùng bảo điện[13]. Tại các am điện thờ Mẫu ở Huế, chữ Vạn cũng xuất hiện một cách dày đặc trong trang trí trên cửa, ô hộc, tường thành, bức hoành phi.

Hình ảnh Pháp luân hay bánh xe luân hồi cũng là một trong biểu tượng của Phật giáo và nó cũng là một đề tài xuất hiện trong một số đồ tự khí tại điện thờ Mẫu. Pháp luân được mô tả dưới một chiếc bánh xe quay tròn trên một trục với 8 thanh nối từ trục đến vành, phân đều trên vòng khép. Tám thanh tượng trưng cho bát chánh đạo (tám con đường tỏa rộng từ ba điều phải đạt được để giải thoát mọi khổ đau[14]). Bánh xe pháp luân là kiểu thức được trang trí phổ biến trên các đồ án trang trí trên các khám thờ, chậu kính để đặt long vị theo sự phối hợp “lưỡng long châu pháp” (hai con rồng châu bánh xe pháp luân) và biểu tượng này còn xuất hiện trên các khăn chầu, áo khoác của các tượng thờ.

Ở ban thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na tại Thánh đường 352 Chi Lăng còn phát hiện một số đồ tự khí của Phật giáo như Phật trần, cái khánh, chuông, mõ. Riêng chuông và mõ cũng là những đồ tự khí mà xuất hiện khá nhiều các cơ sở thờ Mẫu trên địa bàn thành phố Huế. Vào những ngày rằm, mồng 1, các ngày vía Phật, vía Mẫu và chư vị thần linh trong tín ngưỡng thờ Mẫu, âm thanh của tiếng tụng kinh, tiếng gõ mõ, đánh chuông được phát ra. Đôi khi còn xuất hiện hình ảnh các nhà sư Phật giáo đến những ngôi điện thờ Mẫu để tụng kinh cầu nguyện của những con nhang đệ tử theo Mẫu.

Tại Điện Huệ Nam chúng ta phát hiện nơi đây có một chiếc chuông đồng được đúc dưới thời vua Đồng Khánh và do chính nhà vua dâng cúng cho ngôi đền. Chuông được treo trên một giá bằng gỗ, được chạm khắc rất tinh xảo và được sơn son thếp vàng, đặt ở phía bên trái của Minh Kính Tiểu Đại Đệ Tam Cung. Chuông được chia thành 3 phần: quai, thân và miệng chuông với tổng chiều dài là 112cm. Phần chính thân chuông có những đường gờ trang trí chia thân chuông thành bốn ô đều nhau, bên dưới vành là trang trí hình lá bồ đề tạo thành sự mềm mại của chiếc chuông. Motif lá đề là hình ảnh mang biểu tượng của Phật giáo, nó có hình dạng giống trái tim tượng trưng cho tình thương ấm áp, sự từ bi của Đức Phật luôn dành cho chúng sanh. Ngoài motif lá đề, trên thân chuông còn có hình ảnh hoa sen và chữ Vạn. Một điểm chú ý trong nghệ thuật tạo hình chiếc chuông tại Điện Huệ Nam là có khắc bài kệ đánh chuông

là hoàng đế, hoàng thân quốc thích để dâng cúng lên Thánh Mẫu Thiên Y A Na và chư vị được thờ cúng ở điện Huệ Nam nhưng lại mang âm hưởng của Phật giáo. Sự đúc chuông và dâng cúng lên Thánh Mẫu và chư vị lúc bấy giờ không chỉ để nhằm cầu nguyện những mong ước dành riêng cho mỗi cá nhân mà còn hướng đến tất cả đại chúng đều được hưởng điều này[15].



Hình tượng lá đề (bên trái) và chữ Vạn (bên phải) trên thân chuông ở Điện Huệ Nam. Ảnh: Hữu Phúc

Tràng Phan hay còn là Phướn là một trong những pháp bảo mang ý nghĩa quan trọng trong việc hoằng pháp lợi sinh và giáo dục, dùng để cúng dường chư Phật và Bồ tát. Trước đây, những ngôi chùa thường sử dụng Tràng Phan để thông báo việc có thuyết giảng **kinh pháp**. Lúc này, Tràng Phan sẽ được treo trên các cột cao tại chùa nhằm thông báo cho người dân biết hôm nay có thuyết pháp tại chùa, những người có nhu cầu sẽ tự biết cách tìm đến xin học và nghe giảng.

Chúng tôi cũng thấy một số điện thờ Mẫu cũng xuất hiện các Tràn Phan này với các nội dung: Phụng Thỉnh Tam Vị Thánh Mẫu Giáng Tọa, Tứ Phủ Công Đồng Chư Tôn Vị Thánh Mẫu Giáng Tọa được viết bằng chữ Hán. Ngoài ra, một số tranh thờ chư vị thần linh thuộc hệ thống Tứ phủ cũng có hình ảnh các Tràn Phan với đầy đủ các màu sắc, tạo nên sự mềm mại, nhẹ nhàng, cân đối trong tổng thể bố cục.

Các khẩu hiệu mang âm hưởng của Phật giáo cũng được dùng để trang trí trên kiến trúc điện thờ Mẫu như: Từ Bi, Hỷ Xả ở đền Lá Chúa Ngọc Sơn. Từ, Bi, Hỷ, Xả cũng chính là Tứ Vô Lượng Tâm trong Phật giáo, bao gồm bốn tâm thái cao thượng: Từ (lòng thương yêu, ban vui), Bi (lòng xót thương, cứu khổ), Hỷ (lòng vui mừng khi người khác thành tựu) và Xả (tâm buông bỏ, không chấp trước). Đây là những phẩm chất tâm hồn vốn có sẵn trong mỗi người, cần được khơi dậy để tạo nên sự thánh thiện trong tâm hồn và hành động, biết hướng đến điều thiện, tránh việc ác. Ở Cung Vân Phụng – nơi thờ Thánh Mẫu Vân Hương trên đất Huế với các bức gương trang thiết với nội dung Từ Hàng Phổ Tế (Thuyền từ cứu độ) và hai ô hai bên ghi hai chữ Sắc, Không. Tại Cung Vân Phụng cũng xuất hiện các câu đối mang tư tưởng Phật giáo như:

“Từ bi nhất niệm phổ Tây Đông

Trình liệt thiên thu thông Nam Bắc”

Dịch nghĩa:

Một niệm từ bi Đông Tây ban khắp

Ngàn năm triệt liệt Bắc Nam nêu gương[16].

Kết luận

Từ khi có mặt trên vùng đất Huế, Phật giáo đã hòa quyện, hội nhập với văn hóa vùng đất Cố đô, tín ngưỡng thờ Mẫu, tạo nên những sắc thái độc đáo của Phật giáo Việt Nam. Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu đã có sự tác động lẫn nhau tuy nhiên nó lại không hề bị làm mất đi bản sắc mà trái lại nó càng làm cho tín ngưỡng dân gian ở vùng Huế được định hình rõ nét hơn. Sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế không chỉ trên phương diện nghi lễ, nhạc lễ mà còn trong phong cách nghệ thuật trang trí, phương thức thiết trí, các đồ thờ,... Chính điều này đã làm giàu thêm những giá trị văn hóa Huế, tạo diện mạo mới, sắc thái mới cho tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng đất Cố đô đậm căn tính “từ, bi, hỷ, xả”, tình thần thương người, yêu chuộng hòa bình của Phật giáo.

Tác giả: **Nguyễn Hữu Phúc** - Hội Khoa học Lịch sử thành phố Huế

Tài liệu tham khảo:

- 1] Đặng Minh Châu (2015), “Mối quan hệ giữa Phật giáo với tôn giáo truyền thống của người Việt Nam - nhìn từ Triết học”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 11 (149), trang 34-45.
- 2] Đặng Minh Châu (2023, Mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam (Qua nghiên cứu một số ngôi chùa tiêu biểu của Phật giáo Bắc tông), Nxb. Dân trí, Hà Nội.
- 3] Trần Thị Hà Giang, Nguyễn Thị Thanh Thu (2024), “Mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian trong nhận thức và nghi lễ, phong tục truyền thống”, Tạp chí *Nghiên cứu Triết học*, số 6 (15), trang 76-84.
- 4] Nguyễn Hữu Phúc (2024), “Dấu ấn Phật giáo trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Thừa Thiên Huế dẫn liệu từ chuông đồng ở Điện Huệ Nam”, in trong *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Chuông đồng thời Nguyễn từ triết lý mỹ thuật Phật giáo đến nghệ thuật tạo hình*, Nxb. Đại học Huế, Huế.
- 5] Nguyễn Hữu Phúc (2024), *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ trong dòng chảy văn hóa Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- 6] Ngô Thị Phượng, Nguyễn Thị Thúy Vân (2021), “Cơ sở lý luận của mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5 (209), trang 42-52.
- 7] Nguyễn Hữu Thông (2000), “Những đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu và chư vị ở Huế”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, trang 36-43.
- 8] Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- 9] Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- 10] Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo Trung phần Việt Nam (1970), *Kinh Nhật tụng và Thiên Y thánh tích*, Huế.

Chú thích:

- [1] Đặng Minh Châu (2015), “Mối quan hệ giữa Phật giáo với tôn giáo truyền thống của người Việt Nam – nhìn từ Triết học”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 11 (149), tr. 35.

- [2] Đặng Minh Châu (2023, *Mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam (Qua nghiên cứu một số ngôi chùa tiêu biểu của Phật giáo Bắc tông)*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, tr. 58-59.
- [3] Trần Thị Hà Giang, Nguyễn Thị Thanh Thư (2024), “Mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian trong nhận thức và nghi lễ, phong tục truyền thống”, *Tạp chí Nghiên cứu Triết học*, số 6 (15), tr. 78.
- [4] Đặng Minh Châu (2023, *Mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam (Qua nghiên cứu một số ngôi chùa tiêu biểu của Phật giáo Bắc tông)*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, tr. 74-75.
- [5] Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 15.
- [6] Nguyễn Hữu Thông (2000), “Những đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu và chư vị ở Huế”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 41.
- [7] Nguyễn Hữu Thông (2000), “Những đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu và chư vị ở Huế”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 36-37.
- [8] Ngô Thị Phượng, Nguyễn Thị Thúy Vân (2021), “Cơ sở lý luận của mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5 (209), tr. 48.
- [9] Ban đầu Hội có tên là Hội Sơn Nam được thành lập năm 1945, đến năm 1953 thì được đổi thành danh xưng Hội Thiên Tiên Thánh giáo Trung Việt theo Nghị định số 1981-NĐ/PC và đến năm 1974 thì được đổi thành Hội Thiên Tiên Thánh giáo Việt Nam theo Nghị định số 477/BNV/KS/14B.
- [10] Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo Trung phần Việt Nam (1970), *Kinh Nhật tụng và Thiên Y thánh tích*, Huế, tr. 9.
- [11] Nguyễn Hữu Phúc (2024), *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ trong dòng chảy văn hóa Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 137-138.
- [12] Đặng Vinh Dự (2017), *Ngôn ngữ biểu tượng tại các ngôi chùa ở Thừa Thiên Huế*, Luận án Tiến sĩ Dân tộc học, Trường Đại học Khoa học, Huế, tr. 59.
- [13] Đặng Vinh Dự (2017), *Ngôn ngữ biểu tượng tại các ngôi chùa ở Thừa Thiên Huế*, Luận án Tiến sĩ Dân tộc học, Trường Đại học Khoa học, Huế, tr. 60.
- [14] Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 131.

[15] Nguyễn Hữu Phúc (2024), “Dấu ấn Phật giáo trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Thừa Thiên Huế dẫn liệu từ chuông đồng ở Điện Huệ Nam”, in trong *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Chuông đồng thời Nguyễn từ triết lý mỹ thuật Phật giáo đến nghệ thuật tạo hình*, Nxb. Đại học Huế, Huế, tr. 275-277.

[16] Ban Hộ Tự (2022), *Cung Vân Phụng*, Tài liệu lưu hành nội bộ, tr. 32.